

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

DUƠNG HIẾU PHONG

Trường Đại học Luật Hà Nội

Hanoi Law University

Email: hieuphonghlu@gmail.com

Tóm tắt

Trong nền kinh tế đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững quốc gia. Bài viết khái quát sự cần thiết, thực trạng pháp luật và hạn chế trong hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, phát triển bền vững, kinh tế đổi mới sáng tạo

Abstract

In the innovative economy, innovative startups serve as a key driver of socio-economic development, providing a solid foundation for sustainable national growth. This article examines the legal framework governing support for innovative startups in Vietnam, identifies its existing limitations, and proposes legal reforms to strengthen such support in alignment with the Sustainable Development Goals.

Keywords: innovative startups, sustainable development, innovative economy

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.268>

Ngày nhận bài: 18/04/2025

Ngày duyệt đăng: 30/01/2025

1. Khái quát về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững

Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (ĐMST) là một chủ trương lớn của Đảng ta được đề cập xuyên suốt tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tại Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia được tổ chức ngày 13/01/2025, Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo và khẳng định “phải coi khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số là động lực chủ chốt” với mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2030 và nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Tổng bí thư cũng xác định ĐMST là một trong những nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, thúc đẩy đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số, tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ đất nước trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, bất bình đẳng xã hội và áp lực chuyển đổi số, mô hình phát triển bền vững không còn là một lựa chọn mang tính định hướng mà đã trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 quy định

Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) của Việt Nam đến năm 2030, để thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững với 117 chỉ tiêu.

Trong tiến trình hội nhập và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, việc thúc đẩy phát triển “khởi nghiệp, ĐMST” và “phát triển bền vững” đã và đang trở thành định hướng chiến lược không thể tách rời trong chính sách phát triển quốc gia của Việt Nam. Khởi nghiệp sáng tạo là động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, góp phần tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời, PTBV lại là yêu cầu mang tính lâu dài, nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với các cam kết quốc tế.

Trong những năm qua, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam phát triển rất mạnh mẽ với hàng nghìn DNKNST thành công. Theo báo cáo “Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu năm 2024” được công bố bởi StartupBlink, chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam đứng thứ 5 ở Đông Nam Á, đứng thứ 12 ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương và xếp thứ 56/100 toàn cầu. Số lượng DNKNST Việt Nam xếp thứ 31 toàn cầu với hơn 4.000 doanh nghiệp. Theo Khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, DNKNST có thể được định nghĩa là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng dựa trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh. Các doanh nghiệp này có khả năng tăng trưởng nhanh do có các giải pháp công nghệ, kỹ thuật, phương thức kinh doanh đổi mới nhằm tạo ra phân khúc thị trường mới, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ.

Trong khi đó, doanh nghiệp đáp ứng PTBV là những chủ thể kinh doanh hướng tới việc cân bằng ba trụ cột phát triển: kinh tế, xã hội và môi trường, thể hiện qua các hoạt động thân thiện với môi trường, có trách nhiệm xã hội và minh bạch trong quản trị. Hai nhóm doanh nghiệp này không đương nhiên đồng nhất. Thực tế cho thấy, không phải DNKNST nào cũng hướng tới mục tiêu PTBV – nhiều DNKNST chỉ tập trung vào đổi mới mô hình kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Ngược lại, nhiều doanh nghiệp PTBV lại hoạt động theo mô hình truyền thống, thiếu yếu tố công nghệ hoặc sáng tạo đột phá.

Từ sự khác biệt giữa DNKNST và doanh nghiệp PTBV, có thể thấy việc xác định, thiết kế chính sách pháp luật và tập trung hỗ trợ nhóm doanh nghiệp giao thoa – tức DNKNST hướng tới PTBV – không chỉ là yêu cầu mang tính chiến lược, mà còn là bước đi cấp thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi xanh hiện nay.

Đặc điểm của các DNKNST hướng tới PTBV là đáp ứng nhiều mục tiêu PTBV. Thứ nhất, các doanh nghiệp này có tích hợp yếu tố bền vững

vào mô hình kinh doanh, nghĩa là doanh nghiệp phải cân nhắc đến tác động dài hạn của mình đối với hệ sinh thái, xã hội và nền kinh tế. Ví dụ, nhiều DNKNST sử dụng nguyên liệu tái chế hoặc phát triển sản phẩm thân thiện môi trường để giảm thiểu ô nhiễm. *Thứ hai*, ĐMST và ứng dụng công nghệ giúp tối ưu hóa tài nguyên, giảm lãng phí và nâng cao hiệu suất hoạt động. Các DNKNST trong lĩnh vực năng lượng tái tạo hay công nghệ sinh học là minh chứng rõ ràng cho xu hướng này. *Thứ ba*, trách nhiệm xã hội (*corporate social responsibility*, CSR) được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua việc đảm bảo quyền lợi người lao động, tạo việc làm cho nhóm yếu thế và thúc đẩy bình đẳng trong kinh doanh. *Thứ tư*, có áp dụng mô hình KTTH, nghĩa là doanh nghiệp hướng tới sử dụng tài nguyên hiệu quả, tái chế và tái sử dụng sản phẩm nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Nhìn chung, những đặc điểm này giúp DNKNST hướng tới PTBV phát triển lâu dài, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế xanh và đóng góp tích cực vào các mục tiêu PTBV.

2. Sự cần thiết của việc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức từ biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, bất bình đẳng kinh tế - xã hội, việc phát triển kinh tế theo hướng bền vững đang trở thành xu hướng tất yếu. DNKNST hướng tới PTBV không chỉ là động lực thúc đẩy đổi mới công nghệ mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường. Vì vậy, việc hỗ trợ DNKNST hướng tới PTBV là cần thiết để đảm bảo sự phát triển lâu dài và có trách nhiệm của nền kinh tế.

Thứ nhất, DNKNST thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, kinh tế xanh và KTTH. Với các mô hình sản xuất thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phát thải, DNKNST góp phần hiện thực hóa mô hình kinh tế xanh. Tiêu biểu như Công ty khởi nghiệp RWDC Industries phát triển polyme sinh học từ đầu thực vật thay thế nhựa dùng một lần, hay Chuk tái chế bã mía thành các sản phẩm phân hủy sinh học bao gồm đĩa, bát và khay...¹ Đồng thời, mô hình KTTH do DNKNST phát triển giúp tối ưu tài nguyên, giảm thiểu rác thải và tái sử dụng sản phẩm sau tiêu dùng. Bên cạnh đó, công nghệ số như AI, Big Data, blockchain được ứng dụng để tăng hiệu quả vận hành, giảm tiêu thụ năng lượng và khí thải.

Thứ hai, các DNKNST hướng tới PTBV góp phần làm tăng số lượng việc làm khi hướng tới thực hiện PTBV. Theo Báo cáo của tổ chức “*Green Alliance and Wrap*”, ước tính rằng đến năm 2030, hơn 200.000 việc làm mới

1 Bảo Ngọc, “Khởi nghiệp sáng tạo: Công nghệ thay thế chất thải nhựa”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, *VnEconomy*, 2023, <https://vneconomy.vn/techconnect/khoi-nghiep-sang-tao-cong-nghe-thay-the-chat-thai-nhua.htm>, truy cập ngày 10/02/2025.

có thể được tạo ra từ KTTH, PTBV ở Anh và tỷ lệ thất nghiệp giảm 54.000 người, với mức triển vọng xa hơn nữa là bù đắp cho sự suy giảm 7% về việc làm có tay nghề cao vào năm 2022. Sự gia tăng việc làm là do sự chuyển dịch sang các hoạt động sử dụng nhiều lao động hơn (ví dụ: nâng cấp, tái sử dụng, sửa chữa và tái sản xuất) so với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện nay theo văn hóa “sản xuất, tiêu dùng, vứt bỏ”. Các DNKNST hướng tới PTBV có thể tạo ra được nhiều số lượng việc làm mới do PTBV hiện nay thường đòi hỏi gắn với sáng tạo và công nghệ cao. Ví dụ như quy trình xử lý chất thải để tái chế cần nhân lực giỏi và công nghệ, kỹ thuật cao nên nó có tiềm năng trở thành một ngành mới, tạo ra việc làm mới và nâng cao mức sống cho con người, góp phần tăng trưởng kinh tế.² Ngoài lợi ích cho chính người lao động, tăng trưởng việc làm cũng là tăng nguồn đóng góp thuế cho quốc gia.³

Thứ ba, DNKNST hướng tới PTBV giúp tăng cường năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, các tiêu chuẩn về PTBV, đặc biệt là bộ tiêu chuẩn “Môi trường, Xã hội, Quản trị doanh nghiệp” (*Environmental, Social, and Governance, ESG*)⁴ ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ESG giúp các DNKNST dễ dàng tiếp cận thị trường toàn cầu, tham gia chuỗi cung ứng và thu hút đầu tư từ các quỹ PTBV. Chiến lược PTBV còn mang lại lợi thế cạnh tranh khi các chính sách thuế carbon và tiêu chuẩn phát thải được áp dụng ngày càng phổ biến.

Thực tiễn cho thấy, PTBV không chỉ thúc đẩy ĐMST mà còn định hình các mô hình kinh doanh hiệu quả, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, giảm thiểu rủi ro, bảo vệ tài nguyên và nâng cao giá trị bền vững. Tuy nhiên, yêu cầu kết hợp giữa khởi nghiệp sáng tạo và PTBV tại Việt Nam đặt ra thách thức không nhỏ, đòi hỏi sự phối hợp giữa Nhà nước, tổ chức tài chính và khu vực tư nhân trong xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ DNKNST phát triển theo hướng xanh, sáng tạo và bền vững, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu PTBV quốc gia.

3. Thực trạng pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã xác định khởi nghiệp ĐMST và PTBV là mục tiêu quan trọng của quốc gia. Nhận thức rõ

2 Trần Linh Huân, Lê Thị Châu Giang, Phạm Thị Hồng Tâm, “Phát triển KTTH ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Ngân hàng*, 2024, <https://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-kien-nghi-hoan-thien.htm>, truy cập ngày 12/2/2025.

3 Peter Mitchell, Julian Morgan, *Employment and the circular economy Job creation in a more resource efficient Britain*, Publisher: Green Alliance, 2015, <http://dx.doi.org/10.13140/RG.2.1.1026.5049>.

4 ESG (Environmental, Social, and Governance): là một khung đánh giá nhằm đo lường tính bền vững và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội của doanh nghiệp.

tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của định hướng này, Đảng và Nhà nước ta đã lựa chọn chiến lược PTBV, sáng tạo là nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt quá trình phát triển đất nước.

3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững

Từ cuối thế kỷ XX, phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam đã nhấn mạnh trong các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm các nguồn lực, cũng như bảo vệ môi trường. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000 được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII, Đảng đã nhấn mạnh rằng: “Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường”. “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân” cũng được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (được bổ sung và phát triển năm 2011).

Không những vậy, Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996, Đảng đã đưa ra các định hướng quan trọng, đó là: “Phát triển khoa học, công nghệ gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.” Chủ trương PTBV được đề ra tại Kết luận 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã đưa ra nhiệm vụ và giải pháp “quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chính thức đặt ra nhiệm vụ về thúc đẩy KTTH và PTBV; đề ra các giải pháp phát triển năng lượng tái tạo, trong đó khẳng định: “Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển KTTH...”⁵

Tại Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ XIII năm 2021, Đảng khẳng định cần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ, ĐMST, KTTH và nhân lực chất lượng cao. Quan điểm phát triển nhanh đi đôi với bền vững được nhấn mạnh, trong đó khởi nghiệp ĐMST trở thành một trụ cột chiến lược. Đây cũng là lần đầu tiên KTTH được xác lập như một nguyên tắc phát triển lâu dài. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính

5 Hoàng Quốc Lâm và Ngô Xuân Hòa, “Chính sách, pháp luật và một số giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, 2024, <https://lsvn.vn/chinh-sach-phap-luat-va-mot-so-giai-phap-phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-1711386520.html>, truy cập ngày 13/2/2025.

trị khóa XIII ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia tiếp tục khẳng định khoa học – công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số là đột phá hàng đầu, đóng vai trò quyết định trong nâng cao năng lực sản xuất và quản trị quốc gia. Đáng chú ý, việc Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong việc huy động toàn bộ hệ thống chính trị cho mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tự chủ công nghệ.

3.2. Những quy định của pháp luật về hỗ trợ DNKNST đáp ứng mục tiêu PTBV ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong việc thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp gắn với ĐMST, thể hiện qua việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số văn bản luật như Luật Thanh niên năm 2020, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017... Tuy nhiên, đến nay, pháp luật Việt Nam vẫn chưa xây dựng được một khung pháp lý riêng biệt điều chỉnh đối tượng DNKNST hướng tới PTBV. Việc thiếu vắng định nghĩa pháp lý chính thức và tiêu chí nhận diện DNKNST hướng tới PTBV khiến nhóm doanh nghiệp này phải gộp chung trong các chính sách hỗ trợ mang tính phổ quát, dẫn đến khó khăn trong việc chứng minh điều kiện thụ hưởng ưu đãi, cũng như thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng cho các cơ quan quản lý khi thực thi chính sách.

PTBV là mô hình phát triển toàn diện, bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, được cụ thể hóa qua 17 mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc. Trong bối cảnh đó, KTTH nổi lên như một công cụ quan trọng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu PTBV, thông qua việc tái thiết lập chuỗi giá trị sản xuất – tiêu dùng theo hướng khép kín, tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

Do vậy, Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021–2030 đã xác định rõ định hướng thúc đẩy các mô hình sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường – một phần thiết yếu trong chiến lược PTBV. Tiếp đó, Đề án Phát triển KTTH tại Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022, đã khẳng định rằng việc phát triển KTTH là xu thế tất yếu, phù hợp với yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và đóng góp vào tiến trình hiện thực hóa các mục tiêu PTBV quốc gia. Đề án 687 nhấn mạnh vai trò của KTTH trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tăng năng lực cạnh tranh, hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững dài hạn, đồng thời tạo nền tảng thể chế – chính sách để triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng

xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mặc dù Việt Nam đã có bước tiến nhất định trong lồng ghép KTTH vào định hướng PTBV, song hệ thống pháp luật vẫn còn thiếu các quy định chuyên biệt, thống nhất và có tính ràng buộc pháp lý rõ ràng về triển khai mô hình kinh tế này.

Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 vào ngày 17/11/2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022), trong đó lần đầu tiên ghi nhận đầy đủ và có hệ thống về KTTH tại Điều 142, với định hướng KTTH trở thành công cụ quan trọng thúc đẩy PTBV. Điều luật quy định Chính phủ xây dựng các tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH, đồng thời xác lập trách nhiệm cụ thể giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong việc triển khai mô hình KTTH phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhằm cụ thể hóa, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Theo đó, tại Mục 3 Chương X quy định chi tiết về các nội dung liên quan đến KTTH, bao gồm tiêu chí, lộ trình thực hiện, cùng cơ chế ưu đãi tài chính nhằm khuyến khích các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp, đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ và triển khai các mô hình KTTH. Đáng chú ý, những định hướng và quy định này mở ra dư địa pháp lý quan trọng cho các DNKNST tham gia vào tiến trình PTBV. Việc ứng dụng mô hình KTTH giúp DNKNST định vị lợi thế cạnh tranh không chỉ về công nghệ mà còn về tuân thủ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, đồng thời tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để tiếp cận các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước.

Theo chỉ đạo của Chính phủ, Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện KTTH đến năm 2030 đang được xây dựng với mục tiêu tổng thể là hình thành hệ thống sản xuất và tiêu dùng bền vững, khai thác hiệu quả tài nguyên, hạn chế chất thải, thúc đẩy ĐMST trong cộng đồng doanh nghiệp. Đến năm 2030, KTTH dự kiến sẽ trở thành nguyên tắc ưu tiên trong quản lý, sản xuất và tiêu dùng, đồng thời góp phần định hình môi trường thể chế và chính sách hỗ trợ đồng bộ cho các DNKNST hướng tới mục tiêu PTBV.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có những chính sách về đầu tư kinh doanh nhằm khuyến khích thúc đẩy khởi nghiệp ĐMST, PTBV tại Việt Nam: “Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, PTBV các ngành kinh tế”.⁶ Điểm d, e khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư năm 2020 đã quy định các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm “đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của

6 Khoản 5 Điều 5 Luật Đầu tư năm 2020.

pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”, “e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm ĐMST, trung tâm nghiên cứu và phát triển”. Do vậy, các DNKNST sẽ được hưởng nhiều hình thức hỗ trợ đầu tư đa dạng như hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư, hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ tín dụng... (Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020). Tuy nhiên, để được ưu đãi đầu tư tại khoản đ Điều 15, các DNKNST hướng tới PTBV cần đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ; công nghệ cao; chuyển giao công nghệ; bảo vệ môi trường.

Hơn nữa, các DNKNST hướng tới PTBV sẽ có thể được hưởng một số ưu đãi thuế khi đáp ứng mục tiêu PTBV. Tại Việt Nam, một doanh nghiệp phải chịu nhiều loại thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung làm rõ sự hỗ trợ của nhà nước cho DNKNST hướng tới PTBV đối với thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Nhằm khuyến khích DNKNST hướng tới PTBV, Luật Thuế TNDN năm 2008 (sửa đổi các năm 2013, 2014) quy định nhiều ưu đãi như: (i) miễn thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải;⁷ (ii) thuế suất 10% tối đa 15 năm cho dự án ứng dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, công nghệ sinh học, bảo vệ môi trường; đồng thời miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 9 năm tiếp theo;⁸ (iii) thuế suất 10% đối với thu nhập cho hoạt động xã hội hóa môi trường, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi;⁹ (iv) thuế suất 17% tối đa 15 năm cho dự án sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đồng thời miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo;¹⁰ (v) các ưu đãi khác như chuyển lỗ, trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.¹¹

Mặc dù hệ thống pháp luật thuế TNDN hiện hành đã có một số quy định ưu đãi đối với các doanh nghiệp có hoạt động gắn với yếu tố PTBV, như sản xuất năng lượng tái tạo, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường hoặc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, nhưng các quy định này còn

7 Khoản 8 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014).

8 Điều 13, Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014).

9 Điểm a, d Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014).

10 Điểm b Khoản 3 Điều 13, và Khoản 2 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014).

11 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014).

thiên về tiếp cận phân tán theo ngành/linh vực cụ thể, thay vì dựa trên một hệ tiêu chí tổng thể về doanh nghiệp PTBV. Hệ quả là việc áp dụng ưu đãi thuế vẫn phụ thuộc nhiều vào cách hiểu và đánh giá của cơ quan quản lý, thiếu sự thống nhất trong xác định đối tượng được ưu đãi, đặc biệt là trong trường hợp của các DNKNST hướng tới PTBV – vốn có đặc điểm tổ chức linh hoạt, mô hình kinh doanh mới và khó phân loại theo ngành nghề truyền thống.

Ngoài ra, các ưu đãi thuế hiện hành chưa phản ánh đúng tính đặc thù và rủi ro cao của hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Nhiều DNKNST hướng tới PTBV trong giai đoạn đầu chưa có lợi nhuận hoặc đang lỗ nên không đủ điều kiện để hưởng ưu đãi về thuế suất thấp hay miễn giảm thuế. Như vậy, hiệu quả thực tế của ưu đãi thuế đối với nhóm doanh nghiệp này còn rất hạn chế, và chưa tạo được động lực đủ mạnh để thúc đẩy DNKNST hướng tới PTBV. Ngoài ra, các hình thức ưu đãi cũng chưa tính đến yếu tố bền vững xã hội như tạo việc làm cho nhóm yếu thế, thúc đẩy bình đẳng giới trong doanh nghiệp hay xây dựng chuỗi cung ứng trách nhiệm – những tiêu chí quan trọng trong tiếp cận ESG hiện đại.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng khung pháp lý riêng và bộ tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu PTBV đối với DNKNST hướng tới PTBV. Các quy định pháp luật hiện hành về PTBV hay các quy định về hỗ trợ DNKNST hướng tới PTBV tại Việt Nam còn rải rác, chưa đồng bộ và thiếu tính thống nhất. Cần phải luật hóa, đưa ra định nghĩa cụ thể và đầy đủ nhất về DNKNST hướng tới PTBV. Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định khái niệm KTTH nhưng chỉ tập trung điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khai thác, quản lý và bảo vệ môi trường; cũng chưa quy định cụ thể về PTBV. Những định nghĩa về DNKNST hay doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn chưa đủ và cũng chưa bám sát được tình hình thực tế của DNKNST Việt Nam hiện nay, bên cạnh những DNKNST thì vẫn có những doanh nghiệp khởi nghiệp thông thường hay vẫn có những DNKNST không thuộc khối DNNVV.

Do đó, cần ban hành một khung pháp lý riêng điều chỉnh DNKNST hướng tới PTBV, với các nội dung cốt lõi gồm: (i) khái niệm pháp lý chính thức về DNKNST hướng tới PTBV; (ii) tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu PTBV; (iii) hệ thống chính sách hỗ trợ chuyên biệt. Việt Nam có thể tham khảo mô hình lập pháp của Hàn Quốc (Luật về các biện pháp đặc biệt nhằm thúc đẩy doanh nghiệp mạo hiểm) và Trung Quốc (Luật Xúc tiến KTTH) để thiết kế đạo luật phù hợp với thực tiễn trong nước.

Thứ hai, cần hoàn thiện khung pháp lý về ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính đối với DNKNST hướng tới PTBV. Pháp luật hiện hành không có

quy định riêng biệt về ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính dành cho đối tượng DNKNST hướng tới PTBV. Các quy định hiện hành chủ yếu áp dụng chung cho DNNVV hoặc cho các doanh nghiệp thỏa mãn một số điều kiện nhất định theo ngành, lĩnh vực. Chính sách thuế chưa có sự phân tầng ưu đãi dành riêng cho DNKNST hướng tới PTBV, khiến các doanh nghiệp này hiện vẫn phải chịu mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%, hoặc được hưởng các ưu đãi thuế suất thấp (10%) và miễn giảm thuế tương tự như các dự án đầu tư mới thông thường, mà không phản ánh đầy đủ đặc thù của DNKNST hướng tới PTBV.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy các ưu đãi về thuế TNDN chỉ phát huy hiệu quả khi doanh nghiệp có lãi. Trong khi đó, theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2019, tỷ lệ DNKNST thành công tại Việt Nam chưa đến 10%; phần lớn doanh nghiệp đang trong giai đoạn thử nghiệm mô hình, chịu lỗ hoặc hoạt động cầm chừng. Do vậy, việc thiết kế ưu đãi thuế TNDN theo hướng cào bằng hiện nay chưa thật sự mang lại hiệu quả hỗ trợ thực chất cho nhóm DNKNST hướng tới PTBV, đặc biệt trong giai đoạn khởi đầu nhiều rủi ro. Trong bối cảnh đó, cần định hướng lại chính sách thuế theo hướng chuyển từ ưu đãi theo lợi nhuận sang ưu đãi theo đầu vào hoặc theo đóng góp xã hội – môi trường. Có thể nghiên cứu áp dụng các cơ chế như tín dụng thuế, hoàn thuế đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, công nghệ xanh, hoặc ưu đãi đối với doanh nghiệp tạo việc làm cho nhóm yếu thế, qua đó phù hợp hơn với đặc thù của DNKNST hướng tới PTBV.

Bên cạnh đó, cần xem xét theo hướng thu hẹp có chọn lọc các ưu đãi thuế TNDN đối với những ngành, lĩnh vực vốn đã có lợi thế tự nhiên hoặc không tạo ra tác động lan tỏa rõ rệt đối với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Việc cắt giảm ưu đãi trong các trường hợp này không làm suy giảm tính bền vững của nền kinh tế mà ngược lại còn góp phần giảm thất thu ngân sách, nâng cao tính công bằng trong thực thi chính sách thuế, đồng thời hạn chế nguy cơ chuyển giá, trốn và tránh thuế. Việc thiết kế chính sách ưu đãi thuế TNDN cần đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa mục tiêu thu hút đầu tư, thúc đẩy ĐMST với yêu cầu quản lý ngân sách và phòng ngừa rủi ro thuế.

Thứ ba, cần xác lập rõ nội hàm và xây dựng danh mục các lĩnh vực đầu tư, ngành nghề thuộc mô hình PTBV, gắn với đặc điểm hoạt động của DNKNST hướng tới PTBV. Việc xác định cụ thể các lĩnh vực này không chỉ giúp minh bạch hóa cơ chế áp dụng ưu đãi đầu tư, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để DNKNST hướng tới PTBV chủ động định hướng mô hình kinh doanh theo tiêu chí PTBV, bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị.

Đặc biệt, đối với các DNKNST hướng tới PTBV nhưng từng thất bại trong quá trình triển khai dự án, cần có chính sách hỗ trợ tái cơ hội thông

qua các ưu đãi đầu tư bổ sung, có tính khuyến khích mạnh hơn. Đây không chỉ là sự hỗ trợ về mặt kinh tế, mà còn là giải pháp củng cố niềm tin của DNKNST vào chính sách pháp luật, khuyến khích ĐMST có trách nhiệm và nâng cao tính ổn định cho hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững. Đồng thời, việc này cũng giúp tạo tín hiệu tích cực cho các tổ chức tín dụng và nhà đầu tư trong việc cấp vốn cho các DNKNST hướng tới PTBV thực chất, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và chuyển đổi mô hình phát triển.

Thứ tư, nên sử dụng mô hình thí điểm trước khi ban hành luật. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm của Trung Quốc khi sử dụng các địa phương thí điểm khi cân nhắc ban hành bất cứ chính sách pháp luật mới nào – là một đặc trưng có tính truyền thống trong quá trình xây dựng, ban hành pháp luật của Trung Quốc, thời gian thí điểm thậm chí có thể lên đến hơn cả thập kỷ. Vào đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã triển khai chính sách thí điểm KTTH nhằm thúc đẩy khởi nghiệp, ĐMST xanh. Chính sách thí điểm có tác động tích cực và đáng kể sự quan tâm của chính quyền đối với khoa học và công nghệ, đồng thời thúc đẩy sự tập trung kinh tế, ĐMST thông qua số liệu thống kê 284 thành phố cấp địa phương.¹² Trung Quốc vận dụng năm cách thức lựa chọn các địa phương để triển khai thí điểm chính sách, bao gồm: (i) thí điểm để ứng phó với các thách thức thực tiễn; (ii) thí điểm nhằm thúc đẩy phát triển; (iii) thí điểm hướng tới ĐMST; (iv) thí điểm nhằm tạo động lực hành động; và (v) thí điểm phục vụ mục tiêu khái quát hóa theo đặc điểm vùng miền.¹³ Với quy mô và tầm quan trọng của PTBV thì việc chỉ định các khu vực thí điểm là không thể thiếu. Sự thành công trong thí điểm mô hình PTBV đã thúc đẩy Trung Quốc ban hành các luật và áp dụng rộng rãi mô hình KTTH trên phạm vi toàn quốc. Các dự án thí điểm làm cơ sở cho việc cân nhắc ban hành luật tập trung vào các doanh nghiệp cụ thể hoạt động trong những lĩnh vực tiêu tốn nhiều năng lượng và tài nguyên, các dự án này sau đó cũng chính là khuôn mẫu cho các doanh nghiệp khác thực hiện theo.

Ngoài ra, Việt Nam cần thí điểm cơ chế cho phép DNKNST hướng tới PTBV thử nghiệm công nghệ mới dưới sự giám sát của Nhà nước, đồng thời miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới mà gặp thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Kinh nghiệm từ Trung

12 Hongshan Ai, Nazrul Islam, “Circular economy, open innovation, and green innovation: Empirical evidence from prefecture-level cities in China”, *IEEE Transactions on Engineering Management*, Vol. 71, Feb 2024, tr. 5706.

13 Alex Jingwei He, Yumeng Fan, Rui Su, “Unpack the black box of pilot sampling in policy experimentation: A qualitative comparative analysis of China’s public hospital reform”, *Governance*, Vol. 37(3), July 2024, tr. 803.

Quốc cho thấy, trước khi thiết lập cơ quan giám sát cấp trung ương là Ủy ban Giám sát Nhà nước, quốc gia này đã từng bước xây dựng hệ thống các ủy ban giám sát tại địa phương theo mô hình ba cấp gồm tỉnh, thành phố và huyện, nhằm tạo lập một cơ chế giám sát tích hợp, thống nhất.¹⁴ Bên cạnh đó, có thể áp dụng phương pháp khác biệt trong sự khác biệt hay còn gọi là phương pháp sai biệt kép (*difference in differences*, DID) và phương pháp chênh lệch ba chiều (*difference-in-difference-in-difference*, DDD) để phân tích, đánh giá hiệu quả tác động của chính sách.¹⁵ ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Hongshan Ai, Nazrul Islam, “Circular economy, open innovation, and green innovation: Empirical evidence from prefecture-level cities in China”, *IEEE Transactions on Engineering Management*, Vol. 71, Feb 2024
- [2] Alex Jingwei He, Yumeng Fan, Rui Su, “Unpack the black box of pilot sampling in policy experimentation: A qualitative comparative analysis of China’s public hospital reform”, *Governance*, Vol. 37(3), July 2024
- [3] Trần Linh Huân, Lê Thị Châu Giang, Phạm Thị Hồng Tâm, “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Ngân hàng*, 2024 [trans: Linh Huan Tran, Chau Giang Le Thi, Hong Tam Pham Thi, “Developing the Circular Economy in Vietnam: Current Situation and Some Recommendations for Improvement”, *Banking Journal*, 2024]
- [4] Cù Thị Thủy Lan, “Cải cách cơ chế giám sát và vận hành quyền lực ở Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản*, 2023 [trans: Cu Thi Thuy Lan, “Reforming the Supervisory and Operational Mechanisms of State Power in China”, *Communist Review*, 2023]
- [5] Peter Mitchell, Julian Morgan, *Employment and the circular economy Job creation in a more resource efficient Britain*, Publisher: Green Alliance, 2015, <http://dx.doi.org/10.13140/RG.2.1.1026.5049>
- [6] Bảo Ngọc, “Khởi nghiệp sáng tạo: Công nghệ thay thế chất thải nhựa”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, *VnEconomy*, 2023 [trans: Bao Ngoc, “Innovative Startups: Technology Replacing Plastic Waste”, *Vietnam Economic Journal*, *VnEconomy*]
- [7] Hoàng Quốc Lâm và Ngô Xuân Hòa, “Chính sách, pháp luật và một số giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, 2024 [trans: Quoc Lam Hoang and Xuan Hoa Ngo, “Policies, Legislation, and Some Solutions for Developing the Circular Economy in Vietnam”, *Vietnam Lawyers Journal*, 2024]

14 Cù Thị Thủy Lan, “Cải cách cơ chế giám sát và vận hành quyền lực ở Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản*, 2023, https://tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/838003/cai-cach-co-che-giam-sat-va-van-hanh-quyen-luc-o-trung-quoc%C2%A0.aspx?, truy cập ngày 19/4/2025.

15 Phương pháp sai biệt kép (*difference in differences*, DID) là một kỹ thuật thống kê được sử dụng để ước tính tác động của một chính sách hoặc sự kiện bằng cách so sánh sự thay đổi trong kết quả giữa một nhóm đối tượng chịu tác động (nhóm can thiệp) và một nhóm đối tượng không chịu tác động (nhóm đối chứng), cả trước và sau khi có chính sách hoặc sự kiện đó. Phương pháp chênh lệch ba chiều (*difference in difference in differences*, DDD) được xây dựng dựa trên phương pháp sai biệt kép (DID) bằng cách bổ sung một nhóm đối chứng mới vào mô hình DID nhằm kiểm soát các yếu tố tương tác giữa đặc điểm nhóm và thời gian mà DID có thể không nắm bắt được.